

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/HS-ST

Ngày: 06-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Thắng

Ông Võ Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 tại Bình Định.

Đăng ký thường trú: Thôn H xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo có vợ tên Phạm Thị Giang T và có 01 người con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 74 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nguyễn Thị Hồng T có mặt tại tòa.

Người làm chứng:

- Lê Công Th, sinh năm 1990.

- Võ Văn P, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Lê Công T có mặt tại tòa. Võ Văn P vắng mặt.

- Nguyễn Thị Tuyết S sinh năm 1962.

- Nguyễn Thanh B, sinh năm 1968.

- Lao Minh T, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: Ấp L, xã Giao L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nguyễn Thị Tuyết S và Nguyễn Thanh B có mặt tại tòa. Lao Minh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhậu cùng với Lê Công Th tại nhà ông Nguyễn Thanh B. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05 tháng 5 năm 2019 Nguyễn Minh T kêu Thành điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 71B1-44.555 của T ra ngoài đường đợi còn T đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị Hồng T là người làm chung công ty với T tại Khu công nghiệp Giao Long cách nhà ông B khoảng 20 mét. Khi đến nhà chị T, T leo vào nhà thấy chị T đang đứng ở khu vực bếp ăn, T đi đến ôm chị T thì bị chị T từ chối. Lúc này, chị T chạy qua nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Tuyết S còn T leo rào ra về. Khi đi được một đoạn, T bực tức do bị T từ chối tình cảm nên T quay lại nhà tìm chị T từ cửa sau nhưng không gặp chị T. Lúc này, T thấy có điện thoại di động hiệu OPPO A39 của chị T đang sạc pin để trên đầu tủ lạnh nên lấy cất giấu vào túi quần của mình rồi ra xe để Th chở về nhà mình ở Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi thấy T đã ra khỏi nhà, chị T đi về nhà và phát hiện mất điện thoại nên trình báo công an xã Giao Long, huyện Châu Thành đến lập biên bản. Biết được công an đang truy tìm mình nên trưa ngày 06 tháng 5 năm 2019 T đem điện thoại OPPO A39 trả lại cho con ruột chị T là Lao Minh T. Cùng ngày, chị T giao nộp điện thoại OPPO A39 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tại Bản kết luận định giá số: 939/KL-HĐĐG ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận điện thoại di động hiệu OPPO A39 giá trị 4.254.000 đồng.

Hiện Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T điện thoại di động hiệu OPPO A39. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số: 64/CT-VKSCT ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hồng T đã nhận lại điện thoại di động hiệu OPPO A39.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bị hại Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã rất ân hận về hành vi sai trái của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng cũng như quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng cũng như quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại tòa, người làm chứng Võ Văn P và Lao Minh T vắng mặt nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, giữa bị cáo và bị hại không có quan hệ thân thích hay vợ chồng, khi bị cáo lấy điện thoại của bị hại, bị hại cũng không biết và cũng không được sự cho phép của bị hại. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại tòa phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05 tháng 5 năm 2019 tại nhà chị Nguyễn Thị Hồng T thuộc ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Minh T lợi dụng lúc nhà chị Nguyễn Thị Hồng T không có ai nên lấy điện thoại di động hiệu OPPO A39 của chị T. Tại Bản kết luận định giá số: 939/KL-HĐĐG ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận điện thoại di động hiệu OPPO A39 giá trị 4.254.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị

cáo Nguyễn Minh T đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng nhà bị hại không có người trông coi để thực hiện hành vi phạm tội, thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo tự nguyện giao trả tài sản cho bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có con nhỏ chưa thành niên được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ giúp bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Hồng T đã nhận lại điện thoại di động hiệu OPPO A39.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Hồng T không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

[10] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hồng T đã nhận lại điện thoại di động hiệu OPPO A39.

[3] *Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015:*

Ghi nhận việc bị hại Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[4] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí với số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Bộ phận HS - Công an huyện Châu Thành;
- UBND xã T, huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Tiến Dũng